

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14 /2019/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ngày 20 tháng 4 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 94/TTr-SNV ngày 17 tháng 4 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang**

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

2. Khoản 2, khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố dựa vào số lượng hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố và đặc điểm địa hình vùng miền của xã, thị trấn.

3. Phân loại thôn, tổ dân phố

a) Đối với thôn thuộc các xã đồng bằng

Loại I: Có từ 350 hộ gia đình trở lên;

Loại II: Có từ 200 đến dưới 350 hộ gia đình;

Loại III: Có dưới 200 hộ gia đình.

b) Đối với thôn thuộc các xã miền núi

Loại I: Có từ 300 hộ gia đình trở lên;

Loại II: Có từ 200 đến dưới 300 hộ gia đình;

Loại III: Có dưới 200 hộ gia đình

c) Đối với thôn thuộc các xã vùng cao

Loại I: Có từ 250 hộ gia đình trở lên;

Loại II: Có từ 200 đến dưới 250 hộ gia đình;

Loại III: Có dưới 200 hộ gia đình

d) Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn đồng bằng và thuộc phường của thành phố Bắc Giang

Loại I: Có từ 400 hộ gia đình trở lên;

Loại II: Có từ 250 đến dưới 400 hộ gia đình;

Loại III: Có dưới 250 hộ gia đình.

đ) Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn miền núi

Loại I: Có từ 350 hộ gia đình trở lên;

Loại II: Có từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình;

Loại III: Có dưới 250 hộ gia đình

e) Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn vùng cao

Loại I: Có từ 300 hộ gia đình trở lên;

Loại II: Có từ 250 đến dưới 300 hộ gia đình;

Loại III: Có dưới 250 hộ gia đình”.

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 7. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

4. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 8. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố và hội nghị của thôn, tổ dân phố**

1. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Hội nghị của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

5. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 9. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (gồm cả chia tách để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới) và điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố**

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

2. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

6. Điểm e khoản 1, khoản 6 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“e. Các điều kiện khác: Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

6. Thực hiện theo khoản 6, Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ”.

7. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có**

Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và khoản 2, Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ”.

8. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 12. Quy trình và hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố và chuyển thôn thành tổ dân phố**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 8a được bổ sung tại khoản 7 Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

9. Bổ sung Điều 12a sau Điều 12 như sau:

**“Điều 12a. Quy trình và hồ sơ giải thể, đặt tên thôn, tổ dân phố**

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4, Điều 8a được bổ sung khoản 7, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

10. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

Thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

11. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 15. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố**

Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

12. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề điều và điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thành cuộc bầu cử riêng và quy trình giới thiệu Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố**

d) Chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri về những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố như sau:

Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử được Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này.

Tại hội nghị, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Ban công tác Mặt trận ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng, danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành. Trường hợp có từ 03 (ba) người trở lên đạt trên 50% số cử tri tán thành, thì lấy người có tỷ lệ biểu quyết cao nhất và người có tỷ lệ biểu quyết cao thứ hai để lập danh sách 02 (hai) người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đưa vào bầu. Trường hợp có nhiều người tỷ lệ biểu quyết bằng nhau thì ưu tiên lấy người có trình độ học vấn cao hơn.

2. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do UBND cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu. Trong cuộc bầu cử lại vẫn giữ nguyên Tổ bầu cử, thành phần cử tri và danh sách những người ứng cử như cuộc bầu cử lần thứ nhất.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời (trong số những người đã tham gia ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố) để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, UBND xã, phường, thị trấn phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15 và khoản 1, Điều 16 Quyết định số 454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trường hợp tổ chức bầu mà không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì UBND xã, phường, thị trấn thống nhất với Chi bộ thôn, tổ dân phố và Trưởng ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến hết nhiệm kỳ.

### 3. Quy trình giới thiệu Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố căn cứ tiêu chuẩn đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố lựa chọn người đảm bảo tiêu chuẩn giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Chi bộ thôn, tổ dân phố và UBND xã, phường, thị trấn.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, UBND xã, phường, thị trấn quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố”.

13. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 17. Nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố và thời điểm bầu cử, công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì thực hiện theo điểm a, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Thời điểm tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố cùng một thời điểm, ngay sau khi đại hội Chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, UBND xã, phường, thị trấn xem xét quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc UBND xã, phường, thị trấn quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của UBND xã, phường, thị trấn”.

14. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 20. Khen thưởng và kỷ luật**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố khi không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ theo quy định.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố vi phạm pháp luật bị cơ quan điều tra quyết định tạm giam thì UBND xã, phường, thị trấn quyết định tạm đình chỉ chức Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố để phục vụ cho công tác điều tra.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố vi phạm pháp luật phải truy cứu trách nhiệm hình sự bị Tòa án tuyên án phạt tù (kể cả phạt tù cho hưởng án treo) thì UBND xã, phường, thị trấn quyết định bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và quyết định cho thôi làm nhiệm vụ Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố”.

15. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 5 và điểm c, điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố”.

16. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 22. Điều khoản chuyên tiếp**

1. Thôn, tổ dân phố đã được phân loại theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh được tiếp tục thực hiện đến khi triển khai phân loại theo quy định tại Quyết định này. Những thôn, tổ dân phố được thành lập mới hoặc chia, tách, sáp nhập để thành lập mới từ sau ngày quyết định có hiệu lực sẽ thực hiện xếp loại theo Quyết định này.

2. Phó Trưởng thôn và Phó Tổ trưởng tổ dân phố đã được bầu cử theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ sau đó thực hiện theo Quyết định này”.

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này.

2. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này ở xã, phường, thị trấn trong phạm vi huyện, thành phố và tổng hợp báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định.

3. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2019.

2. Bãi bỏ điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 10 Quyết định số 454/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa hợp lý hoặc vướng mắc, Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị và cá nhân gửi ý kiến về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPTU, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Huyện ủy, UBND huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- VP UBND tỉnh;
  - + LĐVP, các Phòng, TT Thông tin;
  - + Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh